

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Số: 12/2022/QĐST-DS.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-DS, ngày 06/01/2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02, đường L, phường T, quận B thành phố Ha.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền : Bà Nguyễn Thị H – Giám đốc Agribank chi nhánh thành phố B, tỉnh B.

Người nhận ủy quyền lại : Bà Nguyễn Ngọc B – Giám đốc phòng giao dịch Chợ V, Agribank chi nhánh thành phố B theo giấy ủy quyền số 236/2022/UQ-NHNo.TPBN-TD ngày 07/3/2022.

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1968 (đã chết năm 2020) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu S, phường H, thành phố B, tỉnh B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C: Cụ Trần Văn N, sinh năm 1945, cụ Nguyễn Thị V, sinh năm 1947; anh Trần Văn Q, sinh năm 1994, anh Trần Văn Q, sinh năm 2005; Cùng địa chỉ: Khu S, phường H, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N, cụ Trần Văn N, cụ Nguyễn Thị V; anh Trần Văn Q, anh Trần Văn Q là ông Trương Ngọc T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu S, phường H, thành phố B, tỉnh B, theo giấy ủy quyền ngày 10/5/2022.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau :

Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Nguyễn Thị N và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn (ông Trần Văn C) là cụ Trần Văn N, cụ Nguyễn Thị V, anh Trần Văn Q, anh Trần Văn Q có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số dư nợ gốc là: 693.500.000đ; Nợ lãi và phạt: 132.288.709đ; Tổng cộng cả gốc và lãi là: 825.788.709đ tính đến ngày 12/5/2022 và kể từ ngày 13/5/2022 tiếp tục thanh toán lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 2605LAV201702923, ngày 10/11/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, cụ thể về thời hạn và kỳ hạn thanh toán như sau:

Lần 1: Chậm nhất ngày 30/5/2022 trả 20.000.000đồng

Lần 2: Chậm nhất ngày 28/6/2022 trả nốt toàn bộ số tiền gốc, lãi, lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 2605LAV201702923 ngày 10/11/2017

Sau khi bà N, cụ N, cụ V, anh Q, anh Q trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ trả cho bà N, cụ N, cụ V, anh Q, anh Q giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB171042, sổ vào sổ cấp GCN: 01002 do UBND thành phố B tỉnh B cấp ngày 11/08/2015 mang tên ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N.

Trường hợp bà N, cụ N, cụ V, anh Q, anh Q không thanh toán, chậm thanh toán hoặc không thanh toán đủ số tiền tối thiểu cho mỗi kỳ hạn đối với bất kỳ hạn thanh toán nào như đã thỏa thuận thì Ngân hàng N có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm mà ông C, bà N đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 249, tờ bản đồ số 19, diện tích 108m². Tài sản gắn liền trên đất là nhà ở 02 tầng, diện tích xây dựng 81m², diện tích sàn 173,4m², địa chỉ: Phường H, thành phố B, tỉnh B, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB171042, sổ vào sổ cấp GCN: 01002 do UBND thành phố B, tỉnh B cấp ngày 11/08/2015 mang tên ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị N. Tài sản này bảo đảm cho khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4134/2017/HĐTC, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/11/2017 do văn phòng công chứng H, tỉnh B; địa chỉ số 13, Lý Thường K, Thị trấn L, huyện T, tỉnh B chứng nhận và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 10/11/2017 để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông C, bà N đối với Ngân hàng. Nếu xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà N, cụ N, cụ V, anh Q, anh Q tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bà N và người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn (ông Trần Văn C) là cụ N, cụ V, anh Q, anh Q chịu 18.386.830đồng án phí dân sự sơ thẩm và trả cho Ngân hàng 5.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản.

Trả lại Ngân hàng N số tiền 23.129.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên

lai thu số: AA/2021/0001048 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh, thành phố Bắc Ninh;
- THADS thành phố Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hồng